TOÀ ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ HƯƠNG TRÀ** **TỈNH THỪA THIÊN HUẾ**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 06/2023/QĐST-HNGĐ	*Hương Trà, ngày 23 tháng 02 năm 2023*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ HƯƠNG TRÀ, TỈNH THỪA THIÊN HUẾ

Căn cứ vào khoản 2 Điều 29, điểm b khoản 2 Điều 35, điểm h khoản 2 Điều 39, Điều 212, Điều 213 và khoản 4 Điều 397 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Luật phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 09/2023/TLST - HNGĐ ngày 31 tháng 01 năm 2023 về việc "Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn" gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

- *Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:*

1. Anh **Lê Q,** sinh năm 1990; địa chỉ: Số 41/56 H, phường A, thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế.

2. Chị **Bùi Thị Kiều M,** sinh năm 1991; địa chỉ: Thôn T, xã Bình Thành, thị xã Hương Trà, tỉnh Thừa Thiên Huế.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Anh Lê Q và chị Bùi Thị Kiều M đăng ký kết hôn tại UBND phường An Đông, thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế vào ngày 13/9/2021 nên là hôn nhân hợp pháp. Tòa án đã tiến hành hòa giải đoàn tụ nhưng không thành. Xét việc thuận tình ly hôn của anh Q, chị M trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 15 tháng 02 năm 2023 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội nên cần công nhận thuận tình ly hôn của anh Q, chị M.

[2] Về con chung: Anh Lê Q và chị Bùi Thị Kiều M có 01 người con chung tên là Lê Khánh Ngân, sinh ngày 02/10/2021. Anh Q, chị M thỏa thuận giao cháu Lê Khánh Ngân cho chị M trực tiếp chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng đến khi đủ 18 tuổi; anh Q cấp dưỡng cho con mỗi tháng 2.000.000 đồng. Thời hạn nuôi con và cấp dưỡng cho con tính từ ngày Quyết định có hiệu lực pháp luật cho đến khi cháu Ngân đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật.

Xét việc thỏa thuận của anh Q, chị M là tự nguyện, không trái pháp luật nên được chấp nhận.

[3] Về tài sản chung, nợ chung: Anh Lê Q và chị Bùi Thị Kiều M không yêu cầu nên Toà án không phải giải quyết.

[4] Về lệ phí toà án: Anh Lê Q và chị Bùi Thị Kiều M mỗi người phải chịu 150.000 đồng lệ phí giải quyết ly hôn.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Anh Lê Q và chị Bùi Thị Kiều M thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Giao cháu Lê Khánh N, sinh ngày 02/10/2021 cho chị Bùi Thị Kiều M trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi đủ 18 tuổi; anh Lê Q cấp dưỡng cho cháu Lê Khánh N mỗi tháng 2.000.000 đồng. Thời hạn nuôi con và thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng tính từ ngày Quyết định này có hiệu lực pháp luật cho đến khi cháu Ng đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật.

Cha, mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

- Về tài sản chung và nợ chung: Anh Lê Q và chị Bùi Thị Kiều M không yêu cầu nên Toà án không phải giải quyết.

2. Về lệ phí ly hôn: Anh Lê Q và chị Bùi Thị Kiều M phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng), mỗi người chịu 150.000 đồng lệ phí ly hôn sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền đã nộp tạm ứng lệ phí 300.000 đồng theo Biên lai số 0001490 ngày 31/01/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Hương Trà. Anh Q, chị M đã nộp đủ.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật dân sự 2015.

Trường hợp Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có Q thoả thuận thi hành án, Q yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

THẨM PHÁN

Mai Thị Mộng Trinh

Nơi nhận:
- *TAND tỉnh TT. Huế;*
- *VKSND TX. Hương Trà;*
- *Chi cục THADS TX. Hương Trà;*
- *UBND phường An Đông, TP. Huế;*
- *Các đương sự;*
- *Lưu dán;*
- *Lưu hồ sơ.*